

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 111/2024/DS-ST.
Ngày: 07-8-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 765/2024/QĐST-DS ngày 24/7/2024, Thông báo dời lại ngày tiếp tục phiên tòa sơ thẩm số 1644/2024/TB-TA ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Minh C, sinh năm 1992.

Địa chỉ : Số C, tổ B, khu P, TT L, huyện L.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ liên lạc: Tổ B, khu P, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C, ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Trần Minh C trình bày:

Anh Nguyễn Duy T trước đây công tác tại ngân hàng H - chức vụ: Trưởng bộ phận quan hệ khách hàng - Phòng G, huyện L, tỉnh Đồng Nai, đồng thời cũng là quản lý trực tiếp của anh. Ngày 01/12/2022 do anh T đang xây nhà ở khu tái định cư tại thị

trần L thì phát sinh chi phí làm nội thất nhà. Anh T đã hỏi mượn anh 50.000.000 đồng để tạm ứng tiền nội thất. Đến ngày 14/12/2022 anh T mượn anh thêm 250.000.000 đồng để thanh toán tiền nội thất và anh T hứa sẽ trả sau 1-2 tháng tới. Vì là mối quan hệ sếp và nhân viên, nên khi cho vay tiền anh T và anh không lập thành văn bản đồng thời anh T có nói sẽ trả lãi suất 1.5%/ tháng. Số tiền trên anh chuyển từ tài khoản Ngân hàng V của anh đứng tên chuyển khoản sang tài khoản của anh T. Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 01/12/2022, giao dịch số 5071-12314 từ số tài khoản 0401001395181, ngân hàng V, chủ tài khoản Trần Minh C tới số tài khoản 040704070005337, ngân hàng H, chủ tài khoản Nguyễn Duy T. Số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Lần 2: Vào ngày 14/12/2022, giao dịch số: 5071-12674 từ số tài khoản 0401001395181, ngân hàng V, chủ tài khoản Trần Minh C1 tới số tài khoản 040704070005337, ngân hàng H, chủ tài khoản Nguyễn Duy T. Số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng cộng là 300.000.000 đồng, đến ngày 31/3/2023, anh T trả được số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng sau đó không trả cả gốc và lãi cho đến nay. Nay anh yêu cầu Toà án buộc anh Nguyễn Duy T phải trả lại cho anh số tiền 290.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tổng cộng: 45.041.095 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh thừa nhận có vay của anh Trần Minh C số tiền 300.000.000 đồng, anh C chuyển tiền cho anh qua tài khoản của anh đứng tên là đúng nhưng vào ngày 31/3/2023 anh đã trả cho anh C được số tiền 30.000.000 đồng. Nay anh chỉ đồng ý trả cho anh C số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng. Đối với tiền lãi anh C yêu cầu anh không đồng ý vì khi vay không thỏa thuận trả tiền lãi.

*** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:**

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện vào ngày 01 và ngày 14/12/2022 anh Trần Minh C có gửi vào tài khoản số 040704070005337, ngân hàng H1 đối với chủ tài khoản Nguyễn Duy T tổng số tiền 300.000.000 đồng.

Anh C yêu cầu anh Nguyễn Duy T phải trả lại cho anh số tiền gốc đã mượn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và 80.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa anh C cung cấp việc anh T có chuyển vào tài khoản của anh 30.000.000 đồng và xác định trong đó có 10.000.000 đồng trả cho khoản vay ngày

nên anh yêu cầu anh T trả 290.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 10%/ năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy, trong quá trình khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bảng sao kê từ ngân hàng TMCP N giao dịch số 5071-12314 ngày 1/12/2022 từ tài khoản số 0401001395181 tới số tài khoản 040704070005337 là ngân hàng H1 đối với chủ tài khoản Nguyễn Duy T số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và giao dịch số 5071-12674 ngày 14/12/2022 cũng từ tài khoản số 0401001395181 tới số tài khoản 040704070005337 là ngân hàng H1 đối với chủ tài khoản Nguyễn Duy T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra anh C còn cung cấp cho Tòa án các tin nhắn thể hiện anh T mượn tiền đối với anh C và có tin nhắn chuyển tiền từ anh C đến anh T cũng như xác nhận việc nhận tiền từ anh T đối với anh C. Sự việc được anh T thừa nhận. Tại phiên tòa anh T khẳng định 30.000.000 đồng anh chuyển cho anh C là trả cho khoản vay này và không đồng ý trả lãi vì khi vay không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên anh C cung cấp cho Tòa án ngoài khoản vay này anh T có nhờ anh C trả cho chị K 20.000.000 đồng phù hợp với các chứng cứ do anh C cung cấp cho Hội đồng xét xử.

Như vậy, thông qua tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa khẳng định có việc anh T vay tiền của anh C. Việc anh T không thanh toán tiền cho anh C là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên anh C yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả nợ và lãi suất 10%/năm là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc và lãi suất nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại khu P, TT L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện anh C yêu cầu anh T trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 73.000.000 đồng. Nay tại phiên tòa anh C chỉ yêu cầu bị đơn anh T trả số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm đến ngày xét xử sơ thẩm là 45.041.095 đồng. Bị đơn anh Nguyễn Duy T chỉ đồng ý trả cho anh C số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng, còn tiền lãi anh T không đồng ý trả.

[2.1] Xét thấy, nguyên đơn anh C cung cấp bản giải trình và tin nhắn qua zalo thể hiện ngày 23/3/2023, anh T nhờ anh C ứng dùm 20.000.000 đồng để anh T đáo hạn cho khách hàng bà K, anh C đã chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho bà

K theo yêu cầu của anh T. Ngày 31/3/2023, anh C yêu cầu anh T trả số tiền này, anh T chuyển số tiền 30.000.000 đồng. Anh C khai số tiền anh T chuyển khoản 30.000.000 đồng vào ngày 31/3/2023 chỉ có 10.000.000 đồng trả cho khoản nợ 300.000.000 đồng còn 20.000.000 đồng trả cho khoản tiền anh T nhờ anh C ứng dùm cho anh T phù hợp với tin nhắn zalo anh C cung cấp. Vì vậy, anh T phải có nghĩa vụ trả cho anh C số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với lãi suất: Anh C khai khi vay anh T có nói trả lãi 1,5% /tháng nhưng anh T không thừa nhận. Nay tại phiên tòa anh C yêu cầu anh T trả lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm. Việc yêu cầu tính lãi của anh C là có căn cứ nên chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

Số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 01/12/2022, tính lãi từ 15/01/2023 đến ngày 31/3/2023 trả 10.000.000 đồng, từ ngày 01/4/2023 đến nay số tiền lãi 10%/năm là: 6.441.095 đồng.

Số tiền 250.000.000 đồng vay ngày 14/12/2022, tính lãi từ ngày 15/01/2023 đến nay, số tiền lãi là 39.041.095 đồng.

Tổng cộng tiền lãi: 45.482.190 đồng.

[3] Như vậy, anh T phải có trách nhiệm trả cho anh C số tiền nợ gốc: 290.000.000 đồng và tiền lãi: 45.482.190 đồng. Tổng cộng: 335.482.190 đồng .

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Minh C được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Duy T phải chịu 16.774.109 đồng (làm tròn: 16.774.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh C về việc “Tranh chấp hợp vay tài sản” đối với anh Nguyễn Duy T.

Buộc anh Nguyễn Duy T phải có trách nhiệm trả cho anh Trần Minh C số tiền nợ gốc: 290.000.000 đồng, tiền lãi: 45.482.190 đồng. Tổng cộng: 335.482.190 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ngàn một trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu 16.774.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

Hoàn trả cho anh Trần Minh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.325.000 đồng (Chín triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015479 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận : **T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND T. Đồng Nai;

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-VKSND H. Long Thành;

- Đương sự;

-THA H. Long Thành.

-Lưu.

Nguyễn Thị Kim Liên